

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICUL TURAL AND FOODSTUFFS COMPANY
Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province
Email: Yfatuf@gmail.com
Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ III NIÊN ĐỘ 2024-2025

Kính gửi:.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 169...../KT
V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lương Quốc Quyền
6. Điện thoại: 0978.131.246
7. Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin:
 - 8.1. Báo cáo tài chính tổng hợp quý III niên độ 2024-2025 (kỳ kế toán từ 01/4/2025 đến 30/6/2025):
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
 - 8.2. Nội dung giải trình:
 - Công văn số 168...../KT ngày 18/7/2025 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp.
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại www.yfatuf.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Lương Quốc Quyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 168.../KT

Yên Bái, ngày 18 tháng 7 năm 2025

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi
nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm
trước tại BCTC tổng hợp

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Thực hiện theo khoản 4, điều 14, chương III, thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty quý III niên độ 2024-2025 (từ ngày 01/4/2025 đến 30/6/2025) có kết quả như sau:

- | | |
|---|---------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán :
quý III niên độ 2024-2025 | 16.900.012.777 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán :
quý III niên độ 2023-2024 | 3.134.899.291 đồng |
| - Chênh lệch tăng : | 439 % |

Nguyên nhân:

- Giá tinh bột sắn có chiều hướng tăng lên, tiêu thụ thuận lợi tăng doanh thu.
- Giá vốn hàng bán trên đơn vị sản phẩm giảm so với cùng kỳ.

Từ nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính tổng hợp năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận: [Chữ ký]

- Như trên;
- Lưu: VT.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2025)	Số đầu năm (01/10/2024)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		219.853.008.299	243.977.602.153
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.867.847.284	94.467.547.790
1. Tiền	111		7.867.847.284	64.467.547.790
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.000.000.000	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		70.000.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.066.764.361	33.862.902.087
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	28.603.151.043	28.457.078.662
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	17.857.294.723	4.395.329.964
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.718.508.570	1.122.683.436
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(112.189.975)	(112.189.975)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		91.883.744.875	115.588.167.636
1. Hàng tồn kho	141	V.6	91.883.744.875	115.588.167.636
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.034.651.779	58.984.640
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	809.158.761	58.984.640
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		225.493.018	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.085.432.309	25.985.903.798
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2025)	Số đầu năm (01/10/2024)
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		17.449.990.601	21.473.979.949
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	17.449.990.601	21.473.979.949
- Nguyên giá	222		176.547.271.005	184.239.752.127
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(159.097.280.404)	(162.765.772.178)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	0
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.000.000)	(171.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.246.612.536	3.649.987.888
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	10.246.612.536	3.649.987.888
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	388.829.172	861.935.961
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	388.829.172	861.935.961
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0

11
11
VC
Ph
Ôi
3 F
N
[11]

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2025)	Số đầu năm (01/10/2024)
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		247.938.440.608	269.963.505.951
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		37.535.557.976	30.015.199.762
I. Nợ ngắn hạn	310		37.508.707.976	29.988.349.762
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	11.147.780.105	11.033.055.115
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	172.798.724	430.084.764
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.968.121.790	2.635.934.303
4. Phải trả người lao động	314		8.310.788.790	4.434.182.794
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.583.612.096	607.771.311
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	1.011.871.202	1.041.310.161
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.444.361.679	5.700.300.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	1.869.373.590	4.105.711.314
13. Quỹ bình ôn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		26.850.000	26.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0

54
TY
ÂN
3S
TÀI
ÁI
T.Y.8

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2025)	Số đầu năm (01/10/2024)
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		210.402.882.632	239.948.306.189
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	210.402.882.632	239.948.306.189
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.699.650.000	152.699.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152.699.650.000	152.699.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.002.773.233	41.002.773.233
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.377.398.728	45.922.822.285
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.985.843.509	15.000.936.761
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.391.555.219	30.921.885.524
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		247.938.440.608	269.963.505.951

Người lập biểu

Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

Lương Quốc Quyền




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III niên độ 2024-2025 (từ 01/04-30/06/2025)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ III NIÊN ĐỘ 2024-2025		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/04/2025- 30/06/2025)	Năm trước (01/04/2024- 30/06/2024)	Năm nay (01/10/2024- 30/06/2025)	Năm trước (01/10/2023- 30/06/2024)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	166.019.486.737	68.589.405.859	475.443.550.644	357.171.182.925
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	VI.1	166.019.486.737	68.589.405.859	475.443.550.644	357.171.182.925
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	131.314.532.972	55.005.905.356	411.150.470.993	292.248.924.133
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		34.704.953.765	13.583.500.503	64.293.079.651	64.922.258.792
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.320.236.900	600.558.348	7.693.159.764	3.096.848.722
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	196.323.727	830.680.560	513.204.755	1.290.772.978
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	830.680.560	0	1.244.279.897
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.019.690.812	3.210.938.540	23.445.885.001	15.942.420.112
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.804.453.700	5.832.816.023	20.048.354.746	19.774.821.666
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.004.722.426	4.309.623.728	27.978.794.913	31.011.092.758
11. Thu nhập khác	31	VI.7	0	0	0	0
12. Chi phí khác	32	VI.8	42.957.429	60.794.332	45.354.731	564.794.332
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(42.957.429)	(60.794.332)	(45.354.731)	(564.794.332)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.961.764.997	4.248.829.396	27.933.440.182	30.446.298.426
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.061.752.220	1.113.930.105	5.541.884.963	5.285.024.892
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		16.900.012.777	3.134.899.291	22.391.555.219	25.161.273.534
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	1.051	195	1.393	1.565

Người lập biểu

Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

Lương Quốc Quyền

Lập, ngày 18 tháng 07 năm 2025
Giám đốc

Nguyễn Huy Thông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) (*)
Quý III niên độ 2024-2025 (từ 01/04-30/06/2025)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10/2024- 30/06/2025)	Năm trước (01/10/2023- 30/06/2024)
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.933.440.182	30.446.298.426
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.751.646.407	9.977.853.769
- Các khoản dự phòng	03		(255.938.321)	915.268.150
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(6.042.179.565)	(204.573.656)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		0	(1.806.075.744)
- Chi phí lãi vay	06		0	1.244.279.897
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.386.968.703	40.573.050.842
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.288.420.653)	(6.895.465.133)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		23.704.422.761	(238.743.789.806)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.042.073.218	6.737.272.944
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(277.067.332)	(1.534.312.727)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.244.279.897)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.763.685.362)	(6.572.186.708)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.782.432.000)	(3.653.650.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.021.859.335	(211.333.360.485)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.770.614.488)	(2.116.592.188)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

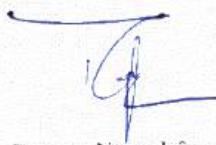
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Ban thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(70.000.000.000)	117.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.137.775.444	1.925.034.788
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(72.632.839.044)	117.208.442.600
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	72.626.241.924
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	(38.326.273.381)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35			0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50.988.669.435)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(50.988.669.435)	34.299.968.543
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(86.599.649.144)	(59.824.949.342)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		94.467.547.790	80.955.321.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(51.362)	14.589.061
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		7.867.847.284	21.144.960.868

Người lập biểu



Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng



Lương Quốc Quyền

Lập, ngày 18 tháng 07 năm 2025



Nguyễn Huy Thông

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Thôn Hợp Thịnh, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai
Nhà máy giấy Văn Chấn	Thôn Hán, xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai
Nhà máy giấy Minh Quân	Thôn Liên Hiệp, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Đường Nguyễn Phúc, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai
Nhà máy sản Văn Yên	Thôn Cầu Khai, xã Đông Cường, tỉnh Lào Cai
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Thôn Ban Đồng, xã Sơn Lương, tỉnh Lào Cai
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Thôn Hợp Thịnh, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai
Nhà máy giấy Yên Hợp	Thôn Yên Hợp 2, xã Xuân Ái, tỉnh Lào Cai

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/IT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/06/2025: NH Bidv: 25.910 VND/USD; NH Techcombank: 25.955 VND/USD; NH Vietinbank: 25.760 VND/USD; NH Vietcombank: 25.940 VND/USD; NH Bidv: 3.594 VND/CNY.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ (30/06)	Đầu năm (01/10)	
Tiền mặt		1.482.291.280	1.087.891.570	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		6.385.556.004	63.379.656.220	
Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000	
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống		-	-	
Cộng		7.867.847.284	94.467.547.790	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ	Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dầu tư ngắn hạn khác	70.000.000.000	70.000.000.000	0	-
Cộng	70.000.000.000	70.000.000.000	0	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ (30/06)	Đầu năm (01/10)	
JIN CAI SIEN TECHNOLOGY CO., LTD		9.562.710.708	12.210.846.532	
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		7.387.791.305	3.100.203.021	
Công ty TNHH Thương mại Giang Biên		2.452.042.773	2.515.159.449	
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Dũng Thành Phát		2.505.160.456	2.717.902.420	
Công ty TNHH Thương Mại Phúc Hưng		1.121.465.628	0	
Công Ty TNHH Giấy Nhân Thành		1.024.123.502	41.005.440	
Các khách hàng khác		4.549.856.671	7.871.961.800	
Cộng		28.603.151.043	28.457.078.662	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		Cuối kỳ (30/06)	Đầu năm (01/10)	
Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định Quốc tế ISOCERT		0	42.630.000	
Công ty cổ phần NEXTECH ECOLIFE		609.000.000	609.000.000	
Công ty CP do đặc bán đồ Quân Tiến		143.000.000	198.000.000	
Công ty TNHH MTV Trảng An 168		2.521.152.000	1.261.440.000	
Công ty TNHH MTV Tuấn Sang Tây Ninh		4.094.754.000	0	
Công ty TNHH Vi Toàn		9.966.680.640	0	
Các nhà cung cấp khác		522.708.083	2.284.259.964	
Cộng		17.857.294.723	4.395.329.964	
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ (30/06)	Đầu năm (01/10)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	2.335.440.000		1.006.000.000	
Lãi tiền gửi dự thu	215.493.151		0	
Thuế TNCN phải thu	10.635.659		79.558.436	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	156.939.760		37.125.000	
Cộng	2.718.508.570		1.122.683.436	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(112.189.975)		(112.189.975)
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Giảm do xóa nợ			-
Số cuối kỳ			(112.189.975)

7. Hàng tồn kho	Cuối kỳ (30/06)		Đầu năm (01/10)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu:	7.000.683.799		8.442.099.248	
Chi phí sản xuất KD dở dang:	2.548.452.187		2.147.348.795	
Thành phẩm:	82.334.608.889	-	101.714.302.416	
Hàng gửi đi bán:	0		3.284.417.177	
Cộng	91.883.744.875	-	115.588.167.636	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Phân bổ tiền khắc phục sự cố trạm biến áp Yên Hợp	50.949.566	0
Phân bổ chi phí sửa chữa lớn Nhà máy sản Văn Yên	0	58.984.640
Phân bổ chi phí phụ tùng thay thế + bảo hộ lao động các NM	162.984.793	0
Phân bổ chi phí bảo hộ lao động văn phòng Công ty	69.891.599	0
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước năm 2024 NM Yên Hợp	67.739.250	0
Tiền lập bản đồ, tư vấn hồ sơ gia hạn Nhà máy Nguyễn Phúc	33.021.720	0
Tiền nghiệm thu bể lọc bụi, ống khói và bể chứa xút Yên Bình	140.201.284	0
Tiền đặt báo quảng cáo	100.000.000	0
Cải tạo hệ thống xử lý môi trường Sản	184.370.549	0
Cộng	809.158.761	58.984.640

9. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Bổ sung PA cải tạo HT XLNT Yên Bình	138.599.163	346.497.912
- Lập hồ sơ cấp giấy phép xả thải Yên Bình, Văn Chấn, Minh Quân	165.509.269	413.773.153
- Phí hồ sơ khai thác sử dụng nước mặt Yên Hợp, Minh Quân	84.720.740	101.664.896
Cộng	388.829.172	861.935.961

10. Phải thu dài hạn khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM VÂN BÀI
Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	78.906.819.602	98.026.318.411	6.762.011.985	88.450.000	456.152.129	184.239.752.127
Tăng trong kỳ	298.421.472	3.472.193.016	-	-	-	3.770.614.488
- <i>Do mua sắm mới</i>	-	3.327.275.037	-	-	-	3.327.275.037
- <i>Do phân loại TSCĐ</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Do XDCB hoàn thành</i>	298.421.472	144.917.979	-	-	-	443.339.451
Giảm trong kỳ	(408.793.214)	(10.873.291.396)	(181.011.000)	-	-	(11.463.095.610)
- <i>Giảm theo TT145/2013/TT-BTC</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(408.793.214)	(10.873.291.396)	(181.011.000)	-	-	(11.463.095.610)
Số cuối kỳ	78.796.447.860	90.625.220.031	6.581.000.985	88.450.000	456.152.129	176.547.271.005
Trong đó:						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD</i>	57.728.381.705	68.796.550.945	4.049.448.349	88.450.000	456.152.129	131.118.983.128
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	67.888.867.581	88.907.324.318	5.424.978.150	88.450.000	456.152.129	162.765.772.178
- <i>Tăng do trích khấu hao trong kỳ</i>	3.139.923.837	4.272.652.115	339.070.455	-	-	7.751.646.407
- <i>Tăng do điều chỉnh phân loại</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	(408.793.214)	(10.830.333.967)	(181.011.000)	-	-	(11.420.138.181)
- <i>Giảm theo TT145/2013/TT-BTC</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(408.793.214)	(10.830.333.967)	(181.011.000)	-	-	(11.420.138.181)
Số cuối kỳ	70.619.998.204	82.349.642.466	5.583.037.605	88.450.000	456.152.129	159.097.280.404
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.017.952.021	9.118.994.093	1.337.033.835	-	-	21.473.979.949
Số cuối kỳ	8.176.449.656	8.275.577.565	997.963.380	-	-	17.449.990.601

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	0	171.000.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	3.526.152.120	72.703.852	72703852	0	3.526.152.120
- Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Văn Yên số 2	3.033.652.120	0	0	0	3.033.652.120
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quân	312.500.000	0	0	0	312.500.000
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Văn Chấn	180.000.000	0	0	0	180.000.000
- Hệ thống quan trắc tự động NM Sản Văn Yên năm 2025	0	72.703.852	72.703.852	0	0
Sửa chữa lớn tài sản cố định	123835768	9.246.006.502	0	2.649.381.854	6.720.460.416
- Nhà máy giấy Yên Bình	0	1.224.198.163	0	949.241.107	274.957.056
- Nhà máy giấy Văn Chấn	0	181.433.245	0	181.433.245	0
- Nhà máy giấy Minh Quân	0	549.922.169	0	549.922.169	0
- Nhà máy giấy Yên Hợp		45.167.500		45.167.500	0
- Nhà máy gia công giấy xuất khẩu khảm Nguyễn Phúc		22.165.200	0	22.165.200	0
- Sửa chữa lớn TSCĐ -NM sản văn Yên	123.835.768	7.223.120.225	0	901.452.633	6.445.503.360
Cộng	3.649.987.888	9.318.710.354	72.703.852	2.649.381.854	10.246.612.536

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH An Hòa	1.429.890.000	1.022.520.000
Công ty TNHH thương mại hóa chất Ngọc Diệp	316.590.962	491.840.026
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	354.820.874	246.502.993
Công ty TNHH MTV Vũ Ngọc Nam	2.423.520.000	0
Các nhà cung cấp khác	6.622.958.269	9.272.192.096
Cộng	11.147.780.105	11.033.055.115

15. Người mua trả tiền trước ngắn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH xuất nhập khẩu Viên Phú	0	253.903.884
Công ty Cổ Phần xây dựng và Công nghệ Vĩnh Tường	0	130.902.400
Các khách hàng khác	172.798.724	45.278.480
Cộng	172.798.724	430.084.764

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	243.187.138		5.602.260.580	2.673.469.658	3.171.978.060	0
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0		127.090.577	127.090.577	0	
Thuế nhập khẩu	0		3.871.224	3.871.224	0	
Thuế TNDN	2.387.572.165		5.541.881.963	3.763.685.362	4.165.771.766	
Thuế TNCN	0	0	3.722.043.315	3.917.536.333	0	225.493.018
Thuế tài nguyên + cấp quyền khai thác nước mặt	5.175.000		343.279.425	344.066.925	4.387.500	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0		863.899.157	237.914.693	625.984.464	
Các loại thuế khác	0		11.205.842	11.205.842		
Cộng	2.635.934.303	-	16.215.535.083	11.108.840.614	7.968.121.790	225.493.018

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí bảo vệ môi trường rừng, thuế tài nguyên	19.549.000	17.505.000
Chi phí tiền điện (các NM)	554.900.364	505.007.133
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải CN	245.828.799	85.259.178
Chi phí duy trì hồ Biogas NM sản Văn Yên	269.763.031	0
Chi phí quản lý NM sản Văn Yên	493.570.902	0
Cộng	1.583.612.096	607.771.311

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	116.189.366	65.546.050
Bao hiểm xã hội	644.016.525	620.046.200
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	251.665.311	355.717.911
Cộng	1.011.871.202	1.041.310.161

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn NII Bidv Ybái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NII Vietin Bank YBái	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn NII Bidv Ybái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NII Vietin Bank YBái	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí vật kiến trúc các Nhà máy	1.983.083.212	0
Tiền lương bổ sung	3.461.278.467	5.700.300.000
Cộng	5.444.361.679	5.700.300.000

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.245.203.181	1.546.094.276	3.699.432.000	91.865.457
Quỹ phúc lợi	1.860.508.133	0	83.000.000	1.777.508.133
	4.105.711.314	1.546.094.276	3.782.432.000	1.869.373.590

22. Phải trả người bán dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc	1.850.000	1.850.000
Cộng	1.850.000	1.850.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23. Phải trả dài hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
Ông Hà Xuân Quang	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Cộng	25.000.000	25.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.529.200.000	323.060.671	41.002.773.233	123.156.432.229	265.011.466.133
Lợi nhuận trong kỳ				30.921.885.524	30.921.885.524
Trích lập các quỹ trong kỳ				(5.720.445.468)	(5.720.445.468)
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận	52.170.450.000			(52.170.450.000)	-
Chi cổ tức trong năm				(50.264.600.000)	(50.264.600.000)
Thương Ban lãnh đạo				-	-
Số dư cuối năm trước	152.699.650.000	323.060.671	41.002.773.233	45.922.822.285	239.948.306.189
Số dư đầu năm nay	152.699.650.000	323.060.671	41.002.773.233	45.922.822.285	239.948.306.189
Lợi nhuận trong kỳ				22.391.555.219	22.391.555.219
Trích lập các quỹ trong kỳ				(1.546.094.276)	(1.546.094.276)
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận			(10.000.000.000)	-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận				(40.390.884.500)	(50.390.884.500)
Thương Ban lãnh đạo				-	-
Số dư cuối năm nay	152.699.650.000	323.060.671	31.002.773.233	26.377.398.728	210.402.882.632

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của các cổ đông

Thặng dư vốn cổ phần

Cộng**Cuối kỳ****Đầu năm**

152.699.650.000

152.699.650.000

323.060.671

323.060.671

153.022.710.671**153.022.710.671****c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Năm nay**Năm trước**

152.699.650.000

152.699.650.000

50.264.600.000

0

d) Cổ phiếu**Năm nay****Năm trước**

15.269.965

15.269.965

- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm

- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành

trong tháng 3 / tháng 6/2024 từ LNST chưa phân phối

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

15.269.965**15.269.965****d) Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

1.393

1.924

e) Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển:

31.002.773.233

41.002.773.233

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công:

Ngoại tệ các loại USD:

Ngoại tệ các loại CNY:

Cuối kỳ**Đầu năm**

6.191.461.859

6.268.192.365

20.354,77

2.076.663,96

-

3.093.451,84

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

I. Tổng doanh thu bán hàng và cung dịch vụ**Năm nay****Năm trước**

475.443.550.644

357.171.182.925

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa

475.443.550.644

357.171.182.925

Trong đó: Doanh thu nội địa

190.104.204.166

162.320.428.802

DT xuất khẩu trực tiếp

285.339.346.478

194.850.754.123

- DT Sản phẩm Giấy vàng mã

37.265.597.146

30.727.264.026

Tương đương Tiền USD

1.438.270,83

1.216.776,78

- DT Sản phẩm Giấy dẻ XK

25.658.883.876

22.364.960.431

Tương đương Tiền USD

990.308,14

885.635,78

- DT Sản phẩm Tinh bột sắn

222.414.865.456

141.758.529.666

Quy ra USD

8.584.132,21

5.613.532,24

Tổng cộng USD:

11.012.711,17

7.715.944,80

Các khoản giảm trừ doanh thu

0

0

Doanh thu thuần**475.443.550.644****357.171.182.925**

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	0	0
3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán:	411.150.470.993	292.248.924.133
	411.150.470.993	292.248.924.133
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.056.446.760	1.766.245.733
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.220.276.030	967.240.278
- Lãi C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	335.108.290	204.573.656
- Chiết khấu thanh toán	81.328.684	158.789.055
Cộng	7.693.159.764	3.096.848.722
5. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	-	1.244.279.897
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	513.204.755	46.493.081
- Lỗ C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	0	0
- Chi phí tài chính khác	513.204.755	1.290.772.978
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thu từ xử lý công nợ nhỏ lẻ	0	0
Cộng	0	0
7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt, chậm nộp	2.397.302	564.794.332
- Chi phí khác	42.957.429	0
- Lỗ thanh lý TSCĐ	0	0
Cộng	45.354.731	564.794.332
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	10.592.981.620	11.458.994.508
Chi phí vật liệu quản lý	311.447.344	342.555.537
Chi phí đồ dùng văn phòng	105.190.584	321.435.109
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.252.973.875	1.882.060.318
Thuế, phí và lệ phí	1.189.120.276	674.356.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	966.622.564	555.312.498
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	482.757.924	354.450.225
Chi phí bằng tiền khác	5.147.260.559	4.185.657.449
Cộng	20.048.354.746	19.774.821.666

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Ban thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí cho nhân viên	0	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.153.704.657	15.838.418.785
- Chi phí khác	292.180.344	104.001.327
Cộng	23.445.885.001	15.942.420.112

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.541.884.963	5.285.024.892
Cộng	5.541.884.963	5.285.024.892

Người lập biểu

Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

Lương Quốc Quyền

Lập, ngày 18 tháng 07 năm 2025



Nguyễn Huy Thông

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BAI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

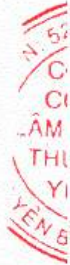
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: VND							
	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)	Giấy để	Giấy vàng mã	Tính bột sản	Tính dầu quế	Loại trừ nội bộ	Cộng
Năm nay							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		161.261.739.426	37.265.597.146	276.479.720.552	-	436.493.520	475.443.550.644
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	7.220.854.570	44.425.727.904	8.821.412.831	74.783.637.082	-	(135.251.632.387)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.220.854.570	205.687.467.330	46.087.009.977	351.263.357.634	-	436.493.520	475.443.550.644
Chi phí bộ phận	-	136.271.430.843	30.088.916.925	287.847.869.451	-	-	454.208.217.220
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	20.798.839.904
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	24.990.308.583	7.176.680.221	(11.368.148.899)	-	-	7.693.159.764
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(513.204.755)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(45.354.731)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(5.541.884.963)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	22.391.555.220



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)				Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng
Số cuối năm								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	149.231.601.894	13.970.951.387			1.207.871.011	83.528.016.316	-	247.938.440.608
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(14.352.565.332)	3.426.340.665			342.639.261	10.583.585.406	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	134.879.036.562	17.397.292.052			1.550.510.272	94.111.601.722	-	247.938.440.608
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(85.682.449.936)	23.482.344.068			1.212.495.215	98.523.168.629	-	37.535.557.976
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	(85.682.449.936)	23.482.344.068			1.212.495.215	98.523.168.629	-	37.535.557.976
Số đầu năm								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	155.632.351.094	11.516.958.496			1.322.953.655	101.491.242.706	-	269.963.505.951
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(17.683.798.400)	4.409.227.947			526.643.620	12.747.926.833	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	137.948.552.694	15.926.186.443			1.849.597.275	114.239.169.539	-	269.963.505.951
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(84.315.955.095)	11.516.958.496			1.322.953.655	101.491.242.706	-	30.015.199.762
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	(84.315.955.095)	11.516.958.496			1.322.953.655	101.491.242.706	-	30.015.199.762

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Ban thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND


	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	190.104.204.166	162.320.428.802
Khu vực xuất khẩu	285.339.346.478	194.850.754.123
Cộng	<u>475.443.550.644</u>	<u>357.171.182.925</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(3.770.614.488)	(2.116.592.188)
Cộng	<u>(3.770.614.488)</u>	<u>(2.116.592.188)</u>

Người lập biểu


Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng


Lương Quốc Quyền

Lập, ngày 18 tháng 09 năm 2025



Nguyễn Huy Thông